

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2020/KDTM - ST
Ngày 22 tháng 12 năm 2020
(V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh;

Ông Lê Xuân Thuật.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận- Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thợ, Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLST-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST – KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam (tên gọi tắt BIDV)
Trụ sở chính: Số 35 H, phường L, quận H, thành phố H;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T– Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Đại Th– Giám đốc Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam - Chi nhánh H

Theo Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng số 8695/QĐ – BIDV ngày 26/10/2016

Đại diện theo ủy quyền lại của ông Th: Ông Đoàn Đình T – Cán bộ Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam - Chi nhánh H(có mặt)

Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 336/UQTT – BIDV.HY ngày 07/6/2017

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Trường S – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH A – Đoàn Luật sư thành phố H. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần H.

Địa chỉ: Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu H - Chủ tịch Hội đồng quản trị. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần H: Bà Vũ Thị Th, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: B601 T, xã T, huyện T, thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Hữu C, sinh năm: 1969 và bà Nguyễn Thu H, sinh năm: 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 95 Phố T, Phường B, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền ông C, bà H: Bà Vũ Thị Th, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: B601 T, xã T, huyện T, thành phố H.

2. Công ty cổ phần kinh doanh Tổng hợp H.

Địa chỉ: Số 95 Phố T, Phường B, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh S- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần kinh doanh Tổng hợp H: Bà Vũ Thị Th, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: B601 T, xã T, huyện T, thành phố H.

3. Công ty TNHH cơ khí T;

Địa chỉ: Số 909 đường G, phường G, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Viết T- Giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Đoàn Đình T trình bày:

Trên cơ sở giấy đề nghị vay vốn và hồ sơ đề nghị cấp tín dụng của khách hàng. Sau khi xem xét, ngày 05/08/2013 Ngân hàng TMCP Đ và P Việt Nam – Chi nhánh H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký kết với công ty CP H hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ, chấp thuận cấp giới hạn tín dụng ngắn hạn cho khách hàng vay số tiền tối đa: 125.000.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*) gồm cả tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, với mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của hợp đồng đến ngày 18/7/2014.

Trong thời gian từ 05/09/2013 đến ngày 19/02/2014, Ngân hàng TMCP Đ và P Việt Nam – Chi nhánh H giải ngân cho khách hàng theo 23 hợp đồng tín dụng cụ thể đã ký gồm:

BẢNG TỔNG HỢP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ, VĂN BẢN SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ DƯ NỢ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN H TÍNH ĐẾN NGÀY 22/12/2020

S T T	Số HĐTD và số VB sửa đổi, bổ sung HĐTD	Ngày vay	Số tiền giải ngân ban đầu (triệu đồng)	Số tiền đã trả (triệu đồng)	Dư nợ gốc phải trả (triệu đồng)	Lãi suất %/năm m	Lãi trong hạn phải trả (VND)	Lãi quá hạn phải trả (VND)	Mục đích vay vốn
-------------	---	----------	--	--------------------------------------	---	---------------------------	------------------------------------	----------------------------------	------------------

1	06 và 16	05/09/2013	7,200	7,000	200	10.95	1,507,973,333	196,826,250	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T
2	07 và 17	10/09/2013	4,000	217	3,783	10.95	889,961,111	3,153,159,719	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T
3	08 và 18	11/09/2013	6,500	4,492	2,008	10.95	1,446,186,806	2,689,382,050	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
4	09 và 19	11/09/2013	10,500,	-	10,500	10.95	2,336,147,917	8,704,565,625	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
5	10 và 20	12/09/2013	1,500	-	1,500	10.95	333,735,416	1,243,509,375	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
6	11 và 21	23/10/2013	10,000	-	10,000	11.00	2,163,333,333	8,327,916,667	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T
7	12 và 22	19/11/2013	6,150	-	6,150	11.00	1,279,712,500	5,121,668,750	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
8	13 và 23	20/11/2013	5,800	-	5,800	11.00	1,205,111,112	4,830,191,667	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
9	14 và 24	29/11/2013	5,000	-	5,000	11.00	1,022,083,333	4,163,958,333	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
10	15 và 25	06/12/2013	5,200	-	5,200	11.00	1,058,200,000	4,330,516,667	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
11	16 và 26	16/12/2013	4,850	-	4,850	11.00	970,673,612	4,039,039,583	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
12	17 và 27	19/12/2013	4,080,	-	4,080	11.00	814,073,333	3,397,790,000	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T
13	18 và 28	23/12/2013	5,880	-	5,880	11.00	1,313,363,334	4,896,815,000	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T
14	19 và 29	24/12/2013	5,290	-	5,290	11.00	1,181,580,278	4,405,467,917	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T và CP Inox N
15	20 và 30	30/12/2013	4,900	-	4,900	11.00	1,095,966,667	4,080,679,167	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T
16	21 và 31	31/12/2013	300	-	300	11.00	67,008,333	249,837,500	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T
17	01 và 32	02/01/2014	5,000	-	5,000	11.00	1,113,750,000	4,163,958,333	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T
18	02 và 33	17/01/2014	9,125	-	9,125	11.00	1,950,770,833	7,599,223,958	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T
19	03 và 34	20/01/2014	9,100	-	9,100	11.00	1,976,975,000	7,578,404,167	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
20	04 và 35	21/01/2014	4,100	-	4,100	11.00	889,472,222	3,414,445,833	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Quốc tế T và CP Inox N
21	05 và 36	23/01/2014	770	-	770	11.00	166,576,667	641,249,583	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY CP Inox N
22	06 và 37	18/02/2014	2,950	-	2,950	11.00	614,747,222	2,456,735,417	TT tiền mua thép không gỉ cho CTY TNHH Thương mại và Tư vấn Kỹ thuật P
23	07 và 38	19/02/2014	2,530	-	2,530	11.00			TT tiền mua thép không

							526,450,833	2,106,962,917	gi cho CTY CP Quốc tế T
		Tổng	120,725	11,709	109,016		25,923,853,195	91,792,304,478	

Tổng số tiền giải ngân theo 23 hợp đồng tín dụng cụ thể là: 120.725.000.000 đồng. Dư nợ hiện tại tính đến ngày 22/12/2020 Công ty còn nợ ngân hàng số tiền là nợ gốc: 109.016.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 25.923.853.195đồng và lãi quá hạn là 91.792.304.478đồng.

+ Lãi suất trong hạn tại thời điểm ký các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể là 11%/năm. Trong đó lãi suất các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể số 06/2013/HĐ ngày 05/09/2013, số 07/2013/HĐ ngày 10/09/2013, số 08/2013/HĐ ngày 11/09/2013, số 09/2013/HĐ ngày 11/09/2013, số 10/2013/HĐ ngày 12/09/2013 được điều chỉnh giảm xuống còn 10.95%/năm từ 14/4/2014. Lãi suất các hợp đồng tín dụng ngắn hạn còn lại không thay đổi.

+ Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Hai bên thống nhất gia hạn thời hạn bắt đầu tính lãi quá hạn từ ngày 01/01/2016.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên Công ty cổ phần H đã thế chấp, cầm cố cho Ngân hàng các tài sản gồm:

+ Giá trị quyền sử dụng 94.8 m2 đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thu H tại số 909 đường G, H, Htheo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 106203 do UBND Quận H, TP H cấp ngày 09/12/2010 mang tên ông Đinh Viết T và bà Nguyễn Hương G được sang tên cho bà Nguyễn Thu H ngày 25/7/2013 theo hồ sơ 1997-23/07/2013. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐTC ngày 12/08/2013, số công chứng 131467/ HĐTC, quyền số 08.

+ Giá trị quyền sử dụng 124,4 m2 đất và tài sản gắn liền với đất của ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thu H tại Tổ 3, phường M, H, H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 510792 do UBND Quận H, TP H cấp ngày 16/08/2011 mang tên ông Vũ Hữu C. Theo hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/HĐBĐ ngày 07/03/2014 số công chứng 14463/ HĐTC, quyền số 03.

+ 01 xe ô tô con Lexus IS 250 BKS số 29A 138.39, giấy chứng nhận đăng ký xe số 094676 do công an TP Hà Nội cấp ngày 10/03/2011 cho Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp H. Theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 01/2013/HĐ ngày 26/04/2013 số công chứng 1145/2013/ HĐTCBĐS, quyền số 01.

+ Cổ phiếu chưa niêm yết của Ông Vũ Hữu C, Mã cổ đông MS: 002 – 01/MSCPI; MS: 002 – 02/MSCPI; MS: 002 – 03/MSCPI theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết của bên thứ ba số 03/2014/1809367/HĐBĐ ngày 6/6/2014.

+ Cổ phiếu chưa niêm yết của Ông Vũ Hữu C, Mã cổ đông MS: 002 – 04/MSCPI; MS: 002 – 05/MSCPI theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết của bên thứ ba số 04/2014/1809367/HĐBĐ ngày 9/6/2014.

Diễn biến trả nợ:

Trong quá trình vay Công ty CP H đã 6 lần trả nợ gốc, cụ thể:

Ngày 19/2/2014 thanh toán trả 400.000.000đồng, ngày 13/11/2015 thanh toán trả 100.000.000đồng, ngày 25/12/2015 thanh toán trả 4.500.000.000đồng, ngày 04/2/2016 thanh toán trả 2.000.000.000đồng, ngày 21/6/2016 thanh toán trả 217.000.000đồng và ngày 15/5/2017 thanh toán trả 4.492.000.000đồng. Tổng số tiền Công ty cổ phần H đã trả được BIDV: Gốc là 11.709.000.000đồng và lãi là 2.237.683.887 đồng, từ đó cho đến nay không thanh toán một đồng tiền gốc và lãi nào khác nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Nhiều lần BIDV đã thông báo, nhắc nợ, đồng thời làm việc với Ông Vũ Hữu C, bà Nguyễn Thu H và các thành viên khác của công ty về nghĩa vụ trả nợ vay, đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, làm việc với Người đại diện theo pháp luật, chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty, bên có tài sản bảo đảm về nghĩa vụ trả nợ vay quá hạn, xong kết quả đạt được rất hạn chế, số nợ gốc thu được rất nhỏ so với dư nợ hiện tại. Đồng thời nhiều lần Người đại diện theo pháp luật, chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty không hợp tác hoặc hợp tác không đầy đủ, hoặc cam kết bán tài sản để thu hồi nợ nhưng không thực hiện đúng hạn...vi phạm các cam kết trong nội dung của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và Công ty.

Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22/12/2020 Công ty cổ phần H còn nợ BIDV số tiền nợ gốc: 109.016.000.000đồng (*Một trăm linh chín tỷ không trăm mười sáu triệu đồng*), lãi trong hạn là 25.923.853.195 đồng (*Hai mươi lăm tỷ chín trăm hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn một trăm chín lăm đồng*), lãi quá hạn được tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 22/12/2020 là 91.792.304.478, đồng (*Chín mươi một tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu ba trăm linh bốn nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng*). Tổng 226.732.157.673, đồng. (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng./*). BIDV yêu cầu Công ty cổ phần H phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền này.

Trường hợp Công ty cổ phần H không trả được số tiền còn nợ cho BIDV thì theo hợp đồng thế chấp, cầm cố, BIDV có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án phát mại số tài sản đã thế chấp, cầm cố như trên để đảm bảo thu hồi nợ.

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần H, ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thu H là Bà Vũ Thị Th trình bày: Bà Th công nhận số nợ gốc và tiền lãi, mức lãi suất quá hạn như BIDV yêu cầu và đề nghị BIDV xem xét bán khoản nợ của Công ty cho bên thứ ba để thu hồi nợ. Đối với chiếc xe ô tô Lexus IS 250 BKS số 29A 138.39, giấy chứng nhận đăng ký xe số 094676 do công an TP Hà Nội cấp ngày 10/03/2011 cho Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp H hiện bà Nguyễn Thu H đang quản lý và sử dụng, hiện trạng chiếc xe vẫn nguyên như khi

thế chấp, không có gì thay đổi.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện Công ty TNHH cơ khí T ông Đình Viết T trình bày :* Ông là anh em đồng hao với ông Vũ Hữu C, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4H-I-05, địa chỉ số nhà 909 đường G, phường G, quận H là của vợ chồng ông, năm 2013 đã làm thủ tục tặng cho bà H là vợ của ông C và bà H đã làm thủ tục thế chấp cho BIDV, trên đất hiện có công trình nhà ghép tôn của Công ty TNHH cơ khí T mà ông là đại diện theo pháp luật do vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và nhất trí cho phát mại tài sản thế chấp để BIDV thu hồi nợ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trên.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Vũ Thị Th trình bày: Việc Ngân hàng trình bày về quá trình vay mượn và thế chấp tài sản cũng như số tiền gốc, lãi, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là đúng và phía Công ty cổ phần H vi phạm nghĩa vụ trả nợ là đúng, phía Công ty nhất trí trả nợ Ngân hàng, tuy nhiên do hiện nay Công ty đang khó khăn nên xin Ngân hàng xem xét miễn cho Công ty số tiền lãi. Đối với chiếc xe ô tô Lexus IS 250 BKS số 29A 138.39, giấy chứng nhận đăng ký xe số 094676 do công an TP Hà Nội cấp ngày 10/03/2011 cho Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp H hiện bà Nguyễn Thu H đang quản lý và sử dụng cùng các tài sản thế chấp khác Công ty có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn ông Đoàn Đình T có ý kiến không nhất trí với ý kiến của bà Th về việc xin miễn số tiền lãi.

Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Y xác định toàn bộ quá trình giải quyết, điều tra, xác minh vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử về cơ bản đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về phía nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình để phiên tòa phải hoãn gây khó khăn cho việc xét xử. Về đường lối giải quyết vụ án: Xác định yêu cầu khởi kiện của BIDV là có cơ sở chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam khởi kiện buộc Công ty cổ phần H mà đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thu H phải thanh toán trả số tiền gốc, lãi đã vay của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã

ký kết với Ngân hàng nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp này là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, Công ty cổ phần H có trụ sở tại Thôn Y, xã G, huyện Y, tỉnh H nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Y theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đinh Viết T vắng mặt, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ và các Giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và P Việt Nam và Công ty cổ phần H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật. Liên quan đến khoản nợ cả Ngân hàng TMCP Đ và P Việt Nam và Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần H đều xác định số tiền gốc và lãi, cách tính lãi, mức lãi suất và thời hạn trả như Ngân hàng TMCP Đ và P Việt Nam trình bày là đúng. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần H còn nợ Ngân hàng TMCP Đ và P Việt Nam tiền gốc là 109.016.000.000đồng (*Một trăm linh chín tỷ không trăm mười sáu triệu đồng*), lãi trong hạn là 25.923.853.195 đồng (*Hai mươi lăm tỷ chín trăm hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn một trăm chín lăm đồng*), lãi quá hạn là 91.792.304.478, đồng (*Chín mươi một tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu ba trăm linh bốn nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng*). Tổng 226.732.157.673, đồng. (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng./.*)

Do đó Ngân hàng TMCP Đ và P Việt Nam yêu cầu Công ty cổ phần H phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐTC ngày 12/08/2013, hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/HĐBĐ ngày 07/03/2014, hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 01/2013/HĐ ngày 26/04/2013, hợp đồng cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết của bên thứ ba số 03/2014/1809367/HĐBĐ ngày 6/6/2014, hợp đồng cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết của bên thứ ba số 04/2014/1809367/HĐBĐ ngày 9/6/2014 giữa bên thế chấp, cầm cố là bà Nguyễn Thu H, ông Vũ Hữu C và Công ty cổ phần kinh doanh Tổng hợp H mà đại diện theo pháp luật là ông Trần Thanh S với Ngân hàng TMCP Đ và P Việt Nam: Các đương sự đều xác định việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp, cầm cố thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Hương, ông C và Công ty cổ phần kinh doanh Tổng hợp H được cấp các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu, sử dụng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó hợp đồng thế chấp, cầm cố có hiệu lực pháp luật. BIDV yêu cầu TAND huyện Y giải quyết nếu Công ty cổ phần H không trả hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ cho BIDV thì BIDV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản đã thế chấp, cầm cố cho BIDV để thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2]. Về án phí: Công ty cổ phần H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí BIDV đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 280, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 351, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 166 và 167 Luật đất đai; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam.

Buộc Công ty cổ phần H đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thu H phải trả toàn bộ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam tính đến ngày 22/12/2020 số tiền gốc: 109.016.000.000 đồng (*Một trăm linh chín tỷ không trăm mười sáu triệu đồng*), lãi trong hạn là 25.923.853.195 đồng (*Hai mươi lăm tỷ chín trăm hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn một trăm chín lăm đồng*), lãi quá hạn là 91.792.304.478, đồng (*Chín mươi một tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu ba trăm linh bốn nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng*). Tổng 226.732.157.673, đồng. (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng./.*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với nợ gốc cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 5 tháng 8 năm 2013 và các Giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ và P Việt Nam với Công ty cổ phần H.

Nếu Công ty cổ phần H đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thu H không thực hiện trả ngay cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam số tiền nêu trên, thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam, được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp, cầm cố bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

+ Giá trị quyền sử dụng 94.8 m² đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thu H tại số 909 đường G, H, H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 106203 do UBND Quận H, TP H cấp ngày 09/12/2010 mang tên ông Đinh Viết T và bà Nguyễn Hương G được sang tên cho bà Nguyễn Thu H ngày 25/7/2013 theo hồ sơ 1997-23/07/2013. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐTC ngày 12/08/2013, số công chứng 131467/ HĐTC, quyền số 08.

+ Giá trị quyền sử dụng 124,4 m² đất và tài sản gắn liền với đất của ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thu H tại Tổ 3, phường M, H, H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG

510792 do UBND Quận H, TP Hcấp ngày 16/08/2011 mang tên ông Vũ Hữu C. Theo hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 01/2014/HĐBĐ ngày 07/03/2014 số công chứng 14463/ HĐTC, quyền số 03.

+ 01 xe ô tô con Lexus IS 250 BKS số 29A 138.39, giấy chứng nhận đăng ký xe số 094676 do công an TP Hà Nội cấp ngày 10/03/2011 cho Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp H. Theo hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 01/2013/HĐ ngày 26/04/2013 số công chứng 1145/2013/ HĐTCBĐS, quyền số 01.

+ Cổ phiếu chưa niêm yết của Ông Vũ Hữu C, Mã cổ đông MS: 002 – 01/MSCPI; MS: 002 – 02/MSCPI; MS: 002 – 03/MSCPI theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết của bên thứ ba số 03/2014/1809367/HĐBĐ ngày 6/6/2014.

+ Cổ phiếu chưa niêm yết của Ông Vũ Hữu C, Mã cổ đông MS: 002 – 04/MSCPI; MS: 002 – 05/MSCPI theo hợp đồng cầm cố cổ phiếu chưa niêm yết của bên thứ ba số 04/2014/1809367/HĐBĐ ngày 9/6/2014.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản thế chấp, cầm cố không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam thì Công ty cổ phần H đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thu H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Về án phí :

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đ và P Việt Nam số tiền 138.690.000đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 011868 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

- Buộc Công ty cổ phần H phải chịu 334.732.000đồng.(*Ba trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- TAND tỉnh H
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên

